

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 09/11/2025 CẢ CHIỀU

PHÒNG THI: 01

MÔN: TIẾNG ANH

Địa điểm: Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - ĐHTN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.91125-001	Lê Đức Anh	16.06.2007	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN.91125-002	Nguyễn Phương Anh	14.09.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN.91125-003	Nguyễn Tuấn Anh	03.02.1984	Nam	Kinh	Yên Bái
4	GCN.91125-004	Nguyễn Thị Phương Anh	21.09.2006	Nữ	Kinh	Hà Nội
5	GCN.91125-005	Tạ Minh Anh	01.06.2003	Nữ	Kinh	Hung Yên
6	GCN.91125-006	Trương Kiều Anh	18.08.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
7	GCN.91125-007	Vàng Thị Bảy	20.08.2002	Nữ	Mông	Lào Cai
8	GCN.91125-008	Cao Thành Công	30.06.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN.91125-009	Đặng Việt Cường	22.01.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN.91125-010	Đỗ Thế Chuẩn	08.10.1997	Nam	Kinh	Hà Nội
11	GCN.91125-011	Trịnh Đăng Dũng	21.08.2003	Nam	Nùng	Lạng Sơn
12	GCN.91125-012	Hoàng Thị Thu Duyên	08.07.2003	Nữ	Tày	Lạng Sơn
13	GCN.91125-013	Trịnh Viết Dương	14.02.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN.91125-014	Hứa Minh Đức	04.12.2003	Nam	Nùng	Thái Nguyên
15	GCN.91125-015	Nguyễn Hương Giang	16.10.2003	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
16	GCN.91125-016	Trương Thị Thu Hà	23.02.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
17	GCN.91125-017	Nguyễn Thị Hạnh	14.08.1985	Nữ	Kinh	Hà Nội
18	GCN.91125-018	Lê Ngọc Hào	02.12.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
19	GCN.91125-019	Chu Vương Hằng	11.08.2002	Nữ	Nùng	Lào Cai
20	GCN.91125-020	Đỗ Thị Hằng	25.07.1993	Nữ	Kinh	Hung Yên
21	GCN.91125-021	Đồng Đức Hậu	10.11.2003	Nam	Kinh	Tuyên Quang
22	GCN.91125-022	Nguyễn Thị Hiền	19.09.1992	Nữ	Kinh	Hà Nội
23	GCN.91125-023	Vũ Thị Thuý Hiền	15.03.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
24	GCN.91125-024	Lê Đình Hiếu	02.03.1986	Nam	Kinh	Thanh hoá
25	GCN.91125-025	Nùng Quang Hiếu	16.12.2005	Nam	Nùng	Tuyên Quang
26	GCN.91125-026	Nguyễn Thị Huế	18.12.2003	Nữ	Tày	Bắc Ninh
27	GCN.91125-027	Mai Sinh Hùng	07.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN.91125-028	Nguyễn Thị Thu Huyền	02.09.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
29	GCN.91125-029	Đinh Thị Hương	22.10.1988	Nữ	Kinh	Hà Nội
30	GCN.91125-030	Mộc Thị Hường	11.07.1979	Nữ	Giáy	Lào Cai
31	GCN.91125-031	Nguyễn Trung Kiên	07.12.2007	Nam	Tày	Thái Nguyên
32	GCN.91125-032	Nguyễn Quang Khải	18.10.1999	Nam	Kinh	Hà Nội
33	GCN.91125-033	Đinh Thị Hồng Khánh	03.09.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN.91125-034	Dương Thị Thanh Lam	11.02.2003	Nữ	Mường	Thanh Hoá
35	GCN.91125-035	Nguyễn Thị Lành	30.08.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
36	GCN.91125-036	Hứa Thị Lê	07.05.2003	Nữ	Tày	Bắc Kạn
37	GCN.91125-037	Trần Thị Liễu	01.02.2025	Nữ	Kinh	Ninh Bình
38	GCN.91125-038	Trần Thị Thuý Linh	13.11.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 09/11/2025 CÁC CHIỀU

PHÒNG THI: 02

MÔN: TIẾNG ANH

Địa điểm: Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục - ĐHTN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GT	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.91125-039	Chu Tuấn Long	15.05.2002	Nam	Kinh	Bắc Kạn
2	GCN.91125-040	Đoàn ngọc Long	13.02.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN.91125-041	Trần Văn Long	21.05.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN.91125-042	Trương Nguyễn Long	30.10.2005	Nam	Sán Dìu	Quảng Ninh
5	GCN.91125-043	Trịnh Đức Lương	23.12.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN.91125-044	Nguyễn Lê Mai	09.01.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
7	GCN.91125-045	Lê Nhật Minh	27.08.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN.91125-046	Nguyễn Thị Nga	27.12.1983	Nữ	Kinh	Ninh Bình
9	GCN.91125-047	Đinh Thị Ngọc	16.01.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình
10	GCN.91125-048	Nguyễn Thảo Nguyên	20.01.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN.91125-049	Phạm Thị Tuyết Nhi	09.02.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
12	GCN.91125-050	Hà Hồng Nhung	07.11.2003	Nữ	Kinh	Lạng Sơn
13	GCN.91125-051	Đỗ Quỳnh Phương	14.12.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
14	GCN.91125-052	Trần Minh Quang	26.12.2005	Nam	Kinh	Lào Cai
15	GCN.91125-053	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	09.01.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN.91125-054	Trần Thế Sơn	13.04.2002	Nam	Cao Lan	Thái Nguyên
17	GCN.91125-055	Hán Minh Tâm	04.02.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
18	GCN.91125-056	Hoàng Thị Thanh Tâm	18.10.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
19	GCN.91125-057	Ngô Quang Toàn	24.05.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN.91125-058	Nguyễn Thị Toàn	30.03.1987	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
21	GCN.91125-059	Hà Quang Tùng	26.03.1989	Nam	Kinh	Thanh Hóa
22	GCN.91125-060	Nguyễn Văn Tường	30.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN.91125-061	Trần Anh Thạnh	06.03.2006	Nam	Nùng	Thái Nguyên
24	GCN.91125-062	Mai Thị Thảo	09.09.1991	Nữ	Kinh	Thanh hoá
25	GCN.91125-063	Nguyễn Hồng Thắm	19.12.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
26	GCN.91125-064	Nguyễn Thị Thuận	02.06.1989	Nữ	Kinh	Nghệ an
27	GCN.91125-065	Đỗ Thị Thu Thủy	14.07.1986	Nữ	Kinh	Hưng Yên
28	GCN.91125-066	Bùi Thị Phương Thủy	17.08.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN.91125-067	Phạm Thị Thanh Thủy	10.08.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
30	GCN.91125-068	Dương Thị Thủy	21.02.2003	Nữ	Tày	Bắc Kạn
31	GCN.91125-069	Chu Vân Thủy	08.03.2003	Nữ	Hà nhì	Lai Châu
32	GCN.91125-070	Bùi Thị Anh Thư	04.05.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
33	GCN.91125-071	Vũ Đình Thượng	11.02.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN.91125-072	Phạm Trần Hương Trà	27.10.2004	Nữ	Kinh	Lào Cai
35	GCN.91125-073	Lâm Huyền Trang	15.12.2003	Nữ	Nùng	Bắc Kạn
36	GCN.91125-074	Lê Thị Huyền Trang	01.03.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN.91125-075	Nguyễn Thị Kiều Trang	17.07.2003	Nữ	Tày	Tuyên Quang
38	GCN.91125-076	Nguyễn Ngọc Trâm	29.06.1992	Nữ	Kinh	Hà Nội

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.